

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2024/DS-ST

Ngày 28 - 8 - 2024

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bé Văn T.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mạnh

2. Ông Hoàng Duy Th2

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cum'gar;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tường Vy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 161/2024/TLST-DS ngày 02/7/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST - DS ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Th1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Buôn K, xã C, huyện Cư, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: C22 Hoàng Văn T, phường T A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Hồ Minh Th2, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị Th1 là ông Nguyễn Đức T trình bày:**

Vào ngày 04/12/2017, ông Hồ Minh Th2 có đến đại lý của gia đình bà Th1 để mua một số hàng hoá là phân bón về bón cho cây trồng, giá trị quy thành tiền là

20.500.000 đồng (Hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng). Do ông Th2 không có tiền nên ông Th2 xin nợ lại và hẹn đến thu mùa năm sau sẽ trả đủ. Hai bên có thống nhất ghi nhận vào sổ theo dõi nợ của bà Th1 và ông Th2 có ký xác nhận nợ.

Đến ngày 05/4/2018, do ông Th2 không trả được số nợ như đã cam kết nên hai bên đã thỏa thuận về việc tính lãi đối với khoản nợ nói trên từ ngày 04/12/2017 đến ngày 05/4/2018 là 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng).

Tiếp đến ngày 12/4/2018, ông Th2 mua thêm 03 bao Lân bằng 510.000đ;

Ngày 24/5/2018, ông Th2 mua thêm 03 bao phân Đầu trâu bằng 1.470.000đ

Ngày 29/6/2018, ông Th2 mua thêm 01 bao phân lúa bằng 440.000đ.

Đến ngày 22/12/2019 (Âm lịch) hai bên tiến hành chốt sổ nợ với nhau, số nợ tiền mua phân và tiền lãi là 24.120.000 đồng (Hai bốn triệu một trăm hai mươi ngàn đồng), hai bên thống nhất mức lãi suất chậm trả là 10.000đ/triệu/tháng. Các nội dung này ông Th2 đều thống nhất và có ký xác nhận và hứa sẽ nhanh chóng trả nợ cho bà Th1.

Nhận thấy hành vi của ông Th2 đã vi phạm cam kết cũng như thỏa thuận giữa hai bên. Điều đó đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th1.

Vì vậy nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án và đề nghị Toà tuyên buộc ông Hồ Minh Th2 phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là: **36.581.000đồng** (Ba mươi sáu triệu, năm trăm tám một ngàn đồng)

Trong đó: Tiền gốc: 24.120.000 đồng, tiền lãi phát sinh từ ngày 22/12/2019 (âm lịch) đến ngày khởi kiện là: 12.461.000đồng (*Mười hai triệu bốn trăm sáu một nghìn đồng*).

*** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Hồ Minh Th2 trình bày:**

Năm 2017 tôi có mua phân NPK Âu Châu của bà Th1 về bón cây trồng, vì không có tiền nên bà Th1 cho nợ lại mùa vụ năm sau sẽ trả. Sau khi bón phân, tôi nhận thấy phân có dấu hiệu không tan mặc dù mưa lớn liên tiếp trong 01 tuần, tôi có đi hỏi các hộ dân mua phân cùng chủng loại tại đại lý của bà Th1 cũng nhận xét phân không tan. Cuối niên vụ 2017 vườn cà phê của tôi bị kém năng suất nên tôi đã phản ánh với bà Th1 về việc phân bón kém chất lượng, bà Th1 trả lời là để xác minh lại lô hàng tại thời điểm đó nhưng đến nay tôi chưa nhận được hồi âm từ bà Th1.

Ngày 22/12/2019 (âm lịch) bà Th1 đến gặp tôi để chốt sổ đầu tư trong các năm 2017, 2018, 2019, theo đó tôi xác nhận có nợ bà Th1 24.120.000 đồng bao gồm các khoản gốc và lãi, lãi bà Th1 tính là 10.000đ/1.000.000đ/tháng.

Nay bà Th1 khởi kiện yêu cầu tôi trả tổng số 36.581.000 đồng (trong đó: 24.120.000 đồng tiền gốc và 12.461.000 đồng tiền lãi) thì ý kiến của tôi như sau:

Tôi chỉ đồng ý trả cho bà Th1 24.120.000 đồng tiền gốc đã xác nhận nợ cùng

bà Th1 vào ngày 22/12/2019 âm lịch. Vì số phân bón mà bà Th1 đã bán cho tôi không đạt chất lượng dẫn đến cây trồng kém sản lượng hơn nữa bà Th1 đã đồng ý bớt tiền lãi cho tôi do phân bón kém chất lượng nên tôi không đồng ý trả lãi.

Về thời gian trả nợ: Vì điều kiện kinh tế gia đình tôi đang rất khó khăn nên tôi đề nghị trả trong 02 đợt, đợt một tôi sẽ trả cho bà Th1 12.000.000 đồng vào tháng 11/2024, đợt hai tôi sẽ trả hết số nợ còn lại vào tháng 02/2025.

* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Đức T trình bày ý kiến tranh luận:

Bà Phạm Thị Th1 không đồng ý với phương án trả nợ của ông Th2 vì bà Th1 đã đến nhà ông Th2 nhiều lần nhưng ông Th2 không có thiện chí trả nợ, căn cứ biên bản đối chiếu công nợ, căn cứ Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 BLDS đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của bà Th1, buộc ông Th2 trả tổng số tiền 36.581.000 đồng, trong đó: 24.120.000 đồng tiền gốc và 12.461.000 đồng tiền lãi tính từ ngày chốt công nợ 22/12/2019 âm lịch đến ngày khởi kiện 16/5/2024 theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong biên bản đối chiếu công nợ.

* Bị đơn ông Hồ Minh Th2 trình bày ý kiến tranh luận: Tôi chỉ đồng ý trả tiền gốc, còn lãi thì tôi không đồng ý trả, vì bà Th1 bán phân bón kém chất lượng cho tôi. Về việc phân bón có kém chất lượng, tôi không có chứng cứ chứng minh, hơn nữa hiện nay gia đình tôi khó khăn, tôi phải nuôi 03 con nhỏ.

- Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử, Thẩm phán thư ký đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS;

+ Nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS;

+ Bị đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, Điều 72, BLTTDS;

+ Về giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 430; Điều 440; Điều 357 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Th1. Buộc bị đơn ông Hồ Minh Th2 phải trả tiền gốc và lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

+ Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn ông Hồ Minh

Th2 cư trú tại huyện Cư M'gar nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Phạm Thị Th1 và ông Hồ Minh Th2 cùng xác nhận, từ năm 2017 đến năm 2019 hai bên có mua bán phân bón với nhau, ông Th2 nợ lại tiền phân nhiều lần, cụ thể:

Ngày 04/12/2017, ông Hồ Minh Th2 có đến đại lý của gia đình bà Th1 để mua phân bón và nợ tiền là 20.500.000 đồng;

Ngày 12/4/2018, ông Th2 mua thêm 03 bao Lân bằng 510.000đ;

Ngày 24/5/2018, ông Th2 mua thêm 03 bao phân Đầu trâu bằng 1.470.000đ

Ngày 29/6/2018, ông Th2 mua thêm 01 bao phân lúa bằng 440.000đ.

Đến ngày 22/12/2019 âm lịch (Tức ngày 16/01/2020 dương lịch) hai bên lập biên bản xác nhận công nợ thống nhất số tiền mua bán phân bón mà ông Hồ Minh Th2 còn nợ bà Th1 là 24.120.000đ bao gồm tiền gốc và lãi suất, đồng thời tiếp tục chịu lãi suất là 10.000đ/tháng/1.000.000đ (Tức 01%/tháng), nội dung này cũng được ông Th2 thừa nhận tại phiên tòa. Tuy nhiên, đến ngày bà Th1 khởi kiện ngày 16/5/2024, ông Hồ Minh Th2 vẫn chưa trả nợ cho bà Phạm Thị Th1 khoản nào mà cho rằng, phân bón của bà Th1 bán cho ông Th2 không đủ chất lượng nên ông Th2 chỉ đồng ý trả tiền gốc, không đồng ý trả tiền lãi. Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến này của ông Th2 là không có căn cứ, bởi lẽ từ năm 2017 ông Th2 cho rằng phân kém chất lượng nhưng các năm tiếp theo năm 2018 và năm 2019 ông Th2 vẫn mua phân bón từ bà Th1. Đồng thời nếu như phân bón của bà Th1 không đủ chất lượng thì tại sao ông Th2 chốt công nợ với bà Th1 theo nội dung như biên bản chốt công nợ ngày 22/12/2019 âm lịch. Hơn nữa quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Th2 không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện phân bón mua từ bà Th1 kém chất lượng.

Từ nhận định trên, HĐXX xét thấy cần tuyên buộc ông Hồ Minh Th2 phải trả lại số tiền mua phân bón còn nợ là 24.120.000đ và tính lãi suất theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong biên bản xác nhận công nợ, theo mức: $24.120.000đ \times 01\%/tháng : 30 \text{ ngày/tháng} \times 1582 \text{ ngày}$ (Từ ngày xác nhận công nợ 22/12/2019 âm lịch đến ngày khởi kiện 16/5/2024) = 12.719.280đ. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi thấp hơn là 12.461.000đ, nên cần chấp nhận khoản tiền lãi này. Tổng cộng cả gốc và lãi: 36.581.000đ (*Ba mươi sáu triệu năm trăm tám mươi một ngàn đồng*).

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo mức $36.581.000đ \times 5\% = 1.829.000đ$; hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của BLTTDS;

- Áp dụng Điều 430; 440, Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[1]. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Th1. Buộc bị đơn ông Hồ Minh Th2 phải trả cho bà Phạm Thị Th1 số tiền mua phân bón còn nợ là 36.581.000đ (*Ba mươi sáu triệu năm trăm tám mươi một ngàn đồng*). Trong đó: Tiền gốc là 24.120.000đ, tiền lãi tính đến ngày khởi kiện ngày 16/5/2024 là 12.461.000đ.

Kể từ ngày 17/5/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong Biên bản đối chiếu công nợ (01%/tháng).

[2]. Về án phí: Bị đơn ông Hồ Minh Th2 phải chịu 1.829.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Phạm Thị Th1 số tiền 915.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0007707 ngày 24/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

[3]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Bé Văn Toàn